

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu báo cáo thu chi ngân sách xã quý III năm 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND, ngày 29/12/2020 của HĐND xã Sơn Kim 1 về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Theo đề nghị của Tài chính - Kế toán xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu báo cáo thu, chi ngân sách xã quý III năm 2021 với số liệu tổng hợp như sau:

A. Tổng thu ngân sách xã quý III: 1.553.067.058 đồng

(Một tỷ năm trăm năm mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn không trăm năm tám đồng)

Trong đó: - Thu tại xã:	21.350.000 đồng
- Thu điều tiết từ các khoản thuế	124.690.058 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	1.407.027.000 đồng
- Thu chuyển nguồn từ năm	đồng

B. Tổng chi ngân sách quý III : 2.882.620.600 đồng.

(Hai tỷ tám trăm tám mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn sáu trăm đồng)

Trong đó: - Chi xây dựng cơ bản:	979.000.000 đồng
- Chi thường xuyên:	1.903.620.600 đồng
- Chi dự phòng	

(Số liệu cụ thể có báo cáo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng UBND, Tài chính - Kế toán, các tổ chức, ban ngành và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Hương Sơn;
- Phòng Tài chính- KH huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Thôn trưởng
- Lưu: VP, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thư

BIÊN BẢN (số 03)

Niêm yết công khai số liệu báo cáo thu chi ngân sách quý III năm 2021

I. Thời gian: ngày 10 tháng 10 năm 2021

II. Địa điểm: Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 9 thôn

IV. Nội dung:

1. Ông: Hoàng Văn Thư - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2. Thông báo các nội dung công khai

Công khai số liệu báo cáo thu chi ngân sách xã quý III năm 2021

3. Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn

- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1, trên công thông tin của xã

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Kim 1

- Thời gian niêm yết: từ ngày 10/10/2021 đến ngày 31/10/2021

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã, Ban tài chính xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 9 thôn 11 h 30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký



Lê Thị Thu Hà



Chủ tịch
Hoàng Văn Thư

Thanh tra nhân dân

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	6.455.795.500	6.047.695.500	1.553.067.058	1.553.067.058	24,06	25,68
I. Các khoản thu 100%	62.000.000	62.000.000	21.350.000	21.350.000	34,44	34,44
1. Phí, lệ phí	37.000.000	37.000.000	3.350.000	3.350.000	9,05	9,05
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	25.000.000	25.000.000	18.000.000	18.000.000	72,00	72,00
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	838.000.000	429.900.000	124.690.058	124.690.058	14,88	29,00
1. Các khoản thu phân chia	61.000.000	61.000.000	8.295.933	8.295.933	13,60	13,60
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.000.000	1.000.000	68.981	68.981	6,90	6,90
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	60.000.000	60.000.000	8.226.952	8.226.952	13,71	13,71
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	777.000.000	368.900.000	116.394.125	116.394.125	14,98	31,55
2.1. Thu tiền sử dụng đất	500.000.000	250.000.000	5.360.000	5.360.000	1,07	2,14
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	60.000.000	18.000.000	59.237.779	59.237.779	98,73	329,10
2.3. Thuế tài nguyên	2.000.000	2.000.000				
2.4. Thuế giá trị gia tăng			51.768.048	51.768.048		
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	215.000.000	98.900.000	28.298	28.298	0,01	0,03
2.6. Thuế thu nhập cá nhân						
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyên nguồn						
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.555.795.500	5.555.795.500	1.407.027.000	1.407.027.000	25,33	25,33
1. Bổ sung cân đối ngân sách	5.555.795.500	5.555.795.500	960.537.000	960.537.000	17,29	17,29
2. Bổ sung có mục tiêu			446.490.000	446.490.000		

Tỉnh Hà Tĩnh
Huyện Hương Sơn
Xã Sơn Kim 1

Bộ phận tài chính, kế toán xã



Nguyễn Văn Khuyến

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

TM. UBND xã

Chủ tịch

(ký tên và đóng dấu)



Hoàng Văn Thư

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ

QUÝ III NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)				
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	TX		
I	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	8.519.227.500	2.868.000.000	5.651.227.500	2.882.620.600	979.000.000	1.903.620.600	33,84	34,14	33,69
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	657.928.000		657.928.000	153.413.000		153.413.000	23,32		23,32
1.1. Chi dân quân tự vệ	455.468.000		455.468.000	98.248.000		98.248.000	21,57		21,57
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	202.460.000		202.460.000	55.165.000		55.165.000	27,25		27,25
2. Chi giáo dục	2.621.788.000	2.600.000.000	21.788.000	150.000.000	150.000.000		5,72	5,77	
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	52.276.000		52.276.000						
5. Chi văn hóa, thông tin	100.000.000		100.000.000	29.030.000		29.030.000	29,03		29,03
6. Chi phát thanh, truyền thanh									
7. Chi thể dục, thể thao	70.000.000		70.000.000						
8. Chi bảo vệ môi trường	48.000.000		48.000.000	21.000.000		21.000.000	43,75		43,75
9. Chi các hoạt động kinh tế	518.000.000	268.000.000	250.000.000	535.845.000	379.000.000	156.845.000	103,44	141,42	62,74
9.1. Giao thông	488.000.000	268.000.000	220.000.000	94.960.000		94.960.000	19,46		43,16
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	20.000.000		20.000.000	440.885.000	379.000.000	61.885.000	2.204,43		309,43
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác	10.000.000		10.000.000						
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.123.435.000		4.123.435.000	1.910.269.600	450.000.000	1.460.269.600	46,33		35,41
Trong đó: Quỹ lương				732.658.000		732.658.000			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.703.503.000		2.703.503.000	1.561.638.500	450.000.000	1.111.638.500	57,76		41,12
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	593.628.000		593.628.000	177.389.100		177.389.100	29,88		29,88

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)		
	Tổng số	ĐIPT	TX	ĐIPT	Tổng số	ĐIPT	TX
1	2	3	4	6	5	8 = 5/2	7
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	223.764.000		223.764.000		32.555.000	14,55	32.555.000
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	115.808.000		115.808.000		28.563.000	24,66	28.563.000
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	136.244.000		136.244.000		27.786.000	20,39	27.786.000
10.6. Hội Cựu chiến binh	120.244.000		120.244.000		10.554.000	8,78	10.554.000
10.7. Hội Nông dân	140.244.000		140.244.000		37.903.000	27,03	37.903.000
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	90.000.000		90.000.000		33.881.000	37,65	33.881.000
11. Chi cho công tác xã hội	174.332.000		174.332.000		42.013.000	24,10	42.013.000
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	34.332.000		34.332.000		201.000	0,59	201.000
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	130.000.000		130.000.000				
11.3. Trợ cấp xã hội	10.000.000		10.000.000				
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng					41.812.000		41.812.000
11.5. Khác							
12. Chi khác	25.000.000		25.000.000		41.050.000	164,20	41.050.000
13. Dự phòng	128.468.500		128.468.500				
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau							

Bộ phận tài chính, kế toán xã

(Signature)

Nguyễn Văn Khuyển

Ngày 22 tháng 10 năm 2021

TM. UBND xã

